

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong việc triển khai, thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng chính sách, xã hội
(từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/10/2025)

Thực hiện Chương trình số 36/CTr-HĐND, ngày 11/8/2025 của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân xã về Chương trình giám sát năm 2025; theo Quyết định số 44/QĐ-HĐND, ngày 29/8/2025 và Kế hoạch số 46/KH-ĐGS, ngày 05/9/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND xã Sơn Hà về giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong việc triển khai, thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng chính sách, xã hội (*chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP*). Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân xã¹; Đoàn giám sát Ban Văn hóa – Xã hội HĐND xã báo kết quả giám sát như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

Xã Sơn Hà có dân số trên 20.326 người, trong đó độ tuổi lao động chiếm 96,97% (19,711người); tỷ lệ hộ nghèo chiếm 2,81% so với dân số. Hiện nay, trên địa bàn xã có 810 đối tượng đang hưởng chính sách xã hội hàng tháng theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP chiếm 3,98.% dân số toàn xã.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

1. Công tác quán triệt và tổ chức thực hiện

Thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Trong thời gian qua, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến xã, luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, nhất là trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số². Xã đã ban hành văn bản chỉ đạo³, hướng dẫn tổ chức triển khai, thực hiện, đồng thời phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức thiết thực để Nhân dân trong xã nắm bắt thông tin về chính sách trợ giúp xã hội.

¹. Báo cáo số: 172/BC-UBND ngày 04/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã.

². Thông báo số 10/TB- UBND ngày 23/7/2025 về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách trợ cấp xã hội hưu trí xã hội theo Nghị định 176/2025/NĐ-Cp ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

³ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 về việc thành lập hội đồng xét duyệt mức độ khuyết tật.

Tổ chức quán triệt, hướng dẫn về nghiệp vụ, các buổi truyền thông cho cán bộ, công chức phòng văn hóa – xã hội, cộng tác viên dân số và hướng dẫn các đối tượng (hoặc thân nhân) thụ hưởng chính sách.

Thành lập và tổ chức kiện toàn hội đồng xét duyệt bảo trợ xã hội và hội đồng đánh giá mức độ khuyết tật, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Chủ tịch hội đồng xét duyệt, các thành viên là công chức Phòng Văn hóa - Xã hội, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã.

Hàng tháng sau khi tiếp nhận hồ sơ của đối tượng ở các thôn đã tổ chức họp xét duyệt, thẩm định và niêm yết, thông báo công khai để đối tượng biết; gửi hồ sơ lên cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định.

2. Kết quả triển khai, thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP

2.1. Về thực hiện chế độ trợ cấp thường xuyên

Theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng, gồm 07 nhóm: (01) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng; (02) Người từ 16-22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, mất nguồn nuôi dưỡng; (03) Người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; (04) Người thuộc hộ nghèo không vợ hoặc chồng đang nuôi con dưới 16-22 tuổi đang học nghề (05) Người cao tuổi; (06) Người khuyết tật theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP; (07) Hộ gia đình nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật, trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng.

Với các chính sách này cho người thụ hưởng ngày càng được mở rộng, các đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên và ổn định cuộc sống, qua báo cáo và trực tiếp giám sát tại các thôn, kết quả như sau:

- Số lượng đối tượng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội hàng tháng đến tháng 10 năm 2025: là 622 đối tượng, bao gồm:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng: 09 đối tượng.

+ Người thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi: 0 đối tượng.

+ Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo: 0 đối tượng.

+ Người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có chồng hoặc chưa có vợ; đã có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 đến 22 tuổi và người con đó đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất quy định tại khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là người đơn thân nghèo đang nuôi con): 42 đối tượng.

+ Người cao tuổi diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: 04 đối tượng.

+ Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật: 241 đối tượng.

+ Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 3 và 6 Điều này đang sống tại địa bàn các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 30 đối tượng.

+ Hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc người khuyết tật, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng: 52 đối tượng.

+ Đối tượng trợ cấp hưu trí xã hội từ 75 tuổi trở lên từ NĐ 20/2021/NĐ-CP chuyển qua Nghị định 176/2025/NĐ-CP từ tháng 07 năm 2025 là: 244 đối tượng.

+ Theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội. Đối tượng người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí: 45 đối tượng.

+ Đối tượng người từ đủ 75 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí: 143 đối tượng.

- Từ ngày 01/7/2025 đến tháng 10/2025 đã rà soát xác nhận 188 đối tượng đã có quyết định được hưởng trợ cấp nhưng do nguồn kinh phí của tỉnh chưa kịp phân bổ nên xã chưa chi cho đối tượng. Sau khi có Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 về việc phê duyệt kinh phí trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo thực hiện chi trả cho các đối tượng kịp thời.

- Mức trợ cấp xã hội hàng tháng và hỗ trợ chi phí mai táng thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/5/2021 và Quyết định 895/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Về thực hiện cấp thẻ BHYT

Hàng năm, sau khi có quyết định hưởng chế độ trợ cấp xã hội của cấp có thẩm quyền, việc thực hiện và cấp thẻ Bảo hiểm y tế được các xã thực hiện kịp thời đúng quy định, giá trị của nhóm đối tượng.

Trong 03 tháng (tháng 07, tháng 08, tháng 09) đã thực hiện cấp 570 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng (trong đó có một số đối tượng tham gia ở các nhóm BHYT còn lại).

2.3. Về thực hiện chế độ mai táng phí

Công tác hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng khi qua đời được thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Từ tháng 7 đến nay đã hỗ trợ mai táng phí cho 08 đối tượng, với tổng kinh phí là 80.000.000đ⁴.

⁴. Trong đó thôn Làng Dầu 01 đối tượng/10.000.00 đồng; thôn Nước Tắm 01 đối tượng/10.000.000 đồng; thôn Gò Răng 01 đối tượng/10.000.000 đồng; thôn Làng Bò 01 đối tượng/10.000.000 đồng; thôn Nước Bung

2.4. Về thực hiện chế độ trợ giúp đột xuất

Cùng với việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với các đối tượng hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên hàng tháng, công tác trợ giúp xã hội đột xuất cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, các hộ gia đình, các cá nhân bị thiên tai, hỏa hoạn và các sự cố bất khả kháng,... trên địa bàn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, thực hiện.

2.5. Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng cộng đồng

Việc thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng cộng đồng được triển khai đồng bộ đúng quy định của pháp luật; có 52 đối tượng, với mức hỗ trợ là 500.000đ/tháng/đối tượng.

2.6. Công tác quản lý hồ sơ, tiếp nhận và thực hiện chế độ

- Công tác quản lý hồ sơ cơ bản đã được Phòng Văn hóa - Xã hội thực hiện nghiêm túc, đồng bộ theo từng nhóm đối tượng; theo dõi, cập nhật diễn biến tăng, giảm, biến động liên quan đến việc đề nghị hưởng trợ cấp, điều chỉnh khi đối tượng hết tuổi, hết điều kiện hưởng chế độ theo quy định, điều chỉnh khi đối tượng thay đổi trợ cấp.

- Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện qua công chức Phòng Văn hóa - Xã hội (phụ trách). Hàng tháng tổng hợp, thẩm định (đề nghị bổ sung), trình hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội và hội đồng xác định mức độ khuyết tật để xác định kết quả mức hưởng thuộc nhóm đối tượng và mức trợ cấp xã hội hàng tháng, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

2.7. Công tác quản lý và thực hiện chi trả hàng tháng

Thực hiện Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi “về thúc đẩy mạnh thực hiện chi trả trợ giúp xã hội không dùng tiền mặt” chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng Bảo trợ xã hội tại cộng đồng thông qua hệ thống Ngân hàng Agribank, MB trên địa bàn xã; UBND xã ủy quyền cho Văn phòng HĐND và UBND xã trực tiếp ký hợp đồng thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội với ngân hàng.

Hàng tháng trên cơ sở danh sách các đối tượng thụ hưởng, sau khi Phòng Văn hóa - Xã hội lập, rút dự toán và ủy nhiệm chi cho Ngân hàng Agribank, đã gửi UBND xã theo dõi, giám sát việc chi trả. UBND xã đã cử cán bộ phụ trách theo dõi, giám sát để có cơ sở thực hiện báo cáo tăng, giảm đối tượng hàng tháng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

01 đối tượng/10.000.000 đồng; thôn Tà Lương 01 đối tượng/10.000.000 đồng; thôn Di Lang 01 đối tượng/10.000.000 đồng; thôn Nước Nía 01 đối tượng/10.000.000 đồng;

Qua giám sát cho thấy UBND xã thực hiện khá nghiêm túc việc triển khai, thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội kịp thời, đúng đối tượng; công tác thanh quyết toán kinh phí chặt chẽ. Vì vậy, trong thời qua trên địa bàn các thôn, chưa có đơn thư khiếu nại, khiếu kiện,... việc triển khai, thực hiện các chế độ chính sách trên đã thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các đối tượng, nhất là người khó khăn, người khuyết tật, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng yếu thế được tiếp cận học nghề, tạo việc làm và thụ hưởng các dịch vụ xã hội, vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, đồng thời góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Ủy ban nhân dân xã thực hiện chưa đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Kế hoạch số 46/KH-ĐGS, ngày 05/9/2025 của Đoàn giám sát Ban Văn hóa - Xã hội HĐND xã về giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong việc triển khai, thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng chính sách, xã hội như: Báo cáo chậm tiến độ so với kế hoạch; một số nội dung báo cáo chưa bám sát vào đề cương của Đoàn giám sát Ban Văn hóa - Xã hội; nội dung đánh giá kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện còn chung chung; chưa nêu được khái quát đặc điểm, số lượng tình hình các đối tượng được thụ hưởng sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Công tác thông tin, tuyên truyền các chính sách của xã đến với người dân nắm, biết đôi lúc còn chậm.

- Thẩm quyền ban hành quyết định thôi hưởng và hỗ trợ chi phí mai táng (mai táng phí), trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng cần đảm bảo theo quy định; một số văn bản trình ký chưa đóng dấu.

- Việc xác lập hồ sơ, thông tin cho một số đối tượng; việc theo dõi biến động (tăng, giảm, điều chỉnh) một số ít trường hợp đôi lúc chưa kịp thời (*chủ yếu do nguyên nhân khách quan*).

- Việc chi trả qua hệ thống ngân hàng Agribank, MB góp phần chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng Bảo trợ xã hội trên địa bàn xã rất thuận tiện, kịp thời, và chính xác. Tuy nhiên, công tác quản lý biến động tăng, giảm trong tháng giữa dịch vụ chi trả (Ngân hàng) và Ủy ban nhân dân xã đôi lúc phối hợp chưa đồng bộ.

3. Nguyên nhân của hạn chế

- Bước đầu đi vào vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, khối lượng cần tập trung giải quyết của Ủy ban nhân dân xã và các phòng, ban chuyên môn của xã rất lớn nên ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ thực hiện. Mặt khác đội ngũ cán bộ, công chức chưa đảm bảo theo tổng số biên chế được giao; cán bộ phụ trách lĩnh vực văn hóa xã hội được giao nhiệm vụ đôi lúc chưa nắm bắt, cập nhật thông tin các đối tượng kịp thời.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân về nội dung này có lúc chưa thường xuyên. Việc phối hợp trong công tác triển khai, rà soát giữa Ủy ban

nhân dân với tổ chức chính trị - xã hội và thôn đôi lúc chưa chặt chẽ, dẫn đến tiến độ còn chậm.

- Chế độ, chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên thay đổi đã ảnh hưởng đến việc triển khai, thực hiện tại cơ sở. Một số quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền để phù hợp với tình hình thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chậm thay thế, sửa đổi nên việc thực hiện tại địa phương còn lúng túng.

- Một số đối tượng thụ hưởng chính sách cung cấp thông tin để xác lập hồ sơ chưa đầy đủ, đảm bảo theo quy định gây ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết thủ tục hồ sơ tại bộ phận một cửa (*Trung tâm phục vụ hành chính công và các phòng ban chuyên môn*).

III. KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục thực hiện các quy định của pháp luật trong triển khai, thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn xã đạt hiệu quả và đúng quy định trong thời gian đến. Đoàn giám sát đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã tiếp tục lãnh đạo, thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo bằng văn bản đối với công tác trợ cấp xã hội trên địa bàn xã.

- Chủ trì, phối hợp Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền các văn bản liên quan đến công tác trợ giúp xã hội trong cộng đồng dân cư bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực, nhất là đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đối tượng trợ giúp xã hội, đối tượng phụ nữ nghèo là dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số sâu rộng trên địa bàn xã...; đảm kịp thời, không bỏ sót đối tượng, đúng quy định, đúng chế độ; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với công tác bảo trợ xã hội và thực hiện chính sách bảo trợ xã hội.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn (*nếu có*); tiếp tục hướng dẫn các thôn triển khai, thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP, ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội về các nhóm đối tượng thụ hưởng, quy trình, thủ tục thực hiện hồ sơ, hội đồng xét duyệt, hội đồng xác định mức độ khuyết tật,... đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng.

- Rà soát, bổ sung các nội dung trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

- Thường xuyên triển khai, thực hiện công tác bảo trợ xã hội và chính sách bảo trợ xã hội đảm bảo đúng quy trình, thủ tục, thời gian, đối tượng thụ hưởng chính sách; chỉ đạo kiểm tra, đối chiếu, điều chỉnh tăng, giảm cho các đối tượng hết tuổi thụ hưởng, chết, chuyển nơi cư trú, thay đổi mức độ khuyết tật cùng với đơn vị thực hiện dịch vụ chi trả; thực hiện công tác lưu, trữ hồ sơ đảm bảo theo đúng quy định.

- Thường xuyên chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp tốt với các thôn trong việc rà soát, cập nhật biến động của các đối tượng bảo trợ xã hội, tiếp tục rà soát các đối tượng (nếu có) theo quy định, tránh bỏ sót đối tượng thụ hưởng hoặc không điều chỉnh chế độ kịp thời đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Trên đây là kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật trong việc triển khai, thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng chính sách, xã hội trên địa bàn xã. Đoàn giám sát kính báo cáo Thường trực HĐND xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ban Thường trực UB MTTQ VN xã;
- Phòng VH- XH xã;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Ban VH- XH HĐND xã;
- Lưu HSGS.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

Lê Thị Lan